

Bản án số 40/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27/9/2019

V/v: tranh chấp "Ly hôn; nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hoàng Thương

Ông Tán Nghị

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Mai Sương – Thư ký TAND huyện Hòa Vang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Hòa - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2019, giữa:

***Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Đường N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

***Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn – Ông Nguyễn Tấn H trình bày:** Tôi xây dựng gia đình với Bà Nguyễn Thị S vào năm 2002, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 17/6/2002 tại UBND phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không có sự đồng cảm với nhau. Đến khoảng tháng 9/2003 thì bà S bỏ về thành phố Đà Nẵng sinh sống và không quay lại thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó tôi đã về Đà Nẵng để vợ chồng cùng nhau hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ năm 2003 đến nay, không còn quan tâm và có trách nhiệm với nhau. Nay, tôi xác định về tình cảm không còn thương yêu bà S nữa, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: Tôi và bà S có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trúc N, sinh ngày 02/02/2004. Ly hôn, tôi tự nguyện giao con cho Bà Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng; tôi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và Bà Nguyễn Thị S không có tài sản chung và cũng không ai nợ nần vợ chồng tôi.

*** Tại bản tự khai ngày 20/5/2019 - Bà Nguyễn Thị S trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Sơn) xác nhận lời trình bày của ông H về thời gian và điều kiện kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên tôi đã về Đà Nẵng sinh sống từ năm 2003 cho đến nay, mỗi người sống mỗi nơi không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với nhau. Nay tôi xác định thời gian sống ly thân cũng đã lâu, tôi không còn tình cảm yêu thương với ông H nhưng vì lý do tín ngưỡng tôi không đồng ý ly hôn với Ông Nguyễn Tấn H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Tôi và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trúc N, sinh ngày 02/02/2004. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và Ông Nguyễn Tấn H không có tài sản chung và cũng không ai nợ nần vợ chồng tôi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình tranh tụng và tại phiên tòa, việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Ông Nguyễn Tấn H đối với Bà Nguyễn Thị S. Chấp nhận yêu cầu nuôi con của Ông Nguyễn Tấn H và Bà Nguyễn Thị S, giao Nguyễn Thị Trúc N, sinh ngày 02/02/2004 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Tấn H và Bà Nguyễn Thị S không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang nhận được đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Tấn H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với Bà Nguyễn Thị S; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Nguyễn Tấn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa, bị đơn Bà Nguyễn Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Xét về nội dung*: Ông Nguyễn Tấn H và Bà Nguyễn Thị S kết hôn với nhau vào năm 2002, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01/2002, ngày 17/6/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông H là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không có sự đồng cảm chia sẻ với nhau. Từ năm 2003 bà S đã về Đà Nẵng sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Mặc dù ông bà cũng đã cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không đem lại kết quả. Vì vậy, Ông Nguyễn Tấn H xác định về tình cảm không còn thương yêu bà S nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của Ông Nguyễn Tấn H đối với Bà Nguyễn Thị S, HĐXX thấy rằng:

Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng ông H và bà S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Mặc dù ông bà đã cố gắng níu kéo tình cảm nhưng không đạt được cải thiện. Từ năm 2003 đến nay ông H và bà S đã sống ly thân mỗi người mỗi nơi, vợ chồng không còn yêu thương quý trọng quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn của ông bà đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, ông không còn tình cảm yêu thương với bà S.

Đối với yêu cầu không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật của bà S, HĐXX thấy rằng: Mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng từ khi Tòa án thụ lý giải quyết đến nay bà không có biện pháp nào để níu kéo hạnh phúc, hàn gắn tình cảm với ông H, mặt khác ông bà cũng đã sống ly thân từ năm 2003 và mỗi người sống mỗi nơi cho đến nay. Vì vậy, HĐXX thấy không có cơ sở để xem xét. Tại biên bản xác minh ngày 15/5/2019 của Tòa án thì Bà Nguyễn Thị S vẫn đang cư trú tại địa chỉ trên và địa phương cũng xác nhận hơn mười năm bà S sống cùng con gái tại địa phương Ông Nguyễn Tấn H chưa từng về chung sống. Xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông H, bà S đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân của ông bà không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà S là phù hợp Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Ông Nguyễn Tấn H và Bà Nguyễn Thị S xác định có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trúc N, sinh ngày 02/02/2004. Ly hôn, ông H tự nguyện giao con cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Đối với bà S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Xét thấy, từ trước đến nay cháu N vẫn ở với bà S và cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xuất phát từ quyền lợi mọi mặt của cháu, nên Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Nguyễn Thị Trúc N, sinh ngày 02/02/2004 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Tại phiên tòa ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi

con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, còn bà S không yêu cầu cấp dưỡng. Xét việc cấp dưỡng nuôi con con của ông H thể hiện ý chí tự nguyện cấp dưỡng nuôi và phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Nguyễn Tấn H và Bà Nguyễn Thị S đều xác định không có tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, Ông Nguyễn Tấn H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của Ông Nguyễn Tấn H đối với Bà Nguyễn Thị S. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Tấn H được ly hôn Bà Nguyễn Thị S.

2. *Về con chung*: Giao Nguyễn Thị Trúc N, sinh ngày 02/02/2004 cho Bà Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, Ông Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/10/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí: Ông Nguyễn Tấn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002218 ngày 17/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) Ông Nguyễn Tấn H phải chịu.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự (theo địa chỉ);*
- *VKSND h.Hòa Vang;*
- *UBND p.13, q.Bình Thạnh, Tp. HCM*
(theo GCNKH số 56/2006 ngày 27/6/2002);
- *Chi cục THADS h. Hòa Vang;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vũ Hồng Hải